

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 09-03-000.12 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 08 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 2700224390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hường	Thành viên
Ông Trương Tấn Tuyến	Thành viên Miễn nhiệm ngày 08 tháng 08 năm 2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Thế Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Phượng	Thành viên

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Hoàng Thế Bình - Tổng Giám đốc.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Hoàng Thế Bình**

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Công ty đang theo dõi các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán với tổng dư nợ gốc tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 29,8 tỷ VND, giá trị đã trích lập dự phòng tương ứng tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 1,03 tỷ VND. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các đánh giá về khả năng thu hồi và cơ sở trích lập dự phòng của Công ty đối với các khoản phải thu này tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty hay không.

2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để khẳng định được tính hiện hữu và phù hợp của khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” (Thuyết minh số 09) tại thời điểm 31/12/2024 với tổng số tiền là 68,61 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 73,67 tỷ VND). Do đó, chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được tồn thất liên quan đến khoản mục này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

3. Tại Thuyết minh số 07 - Phải thu ngắn hạn khác, Công ty đang trình bày lũy kế Chi phí lãi vay từ năm 2023 đến hết năm 2024 của khoản vay ngắn hạn đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình, tại ngày 31/12/2024 với số tiền là 21,31 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 10,81 tỷ VND). Điều này làm cho một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh chưa phù hợp như sau:

- Trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136) và Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang được phản ánh cao hơn cùng số tiền 21,31 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 10,81 tỷ VND).
- Trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (Mã số 22) đang phản ánh thấp hơn và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) đang phản ánh cao hơn với cùng số tiền là 10,5 tỷ VND (năm 2023 là 10,81 tỷ VND).

4. Theo thông báo của cơ quan Bảo hiểm xã hội, Công ty có nghĩa vụ phải trả lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội tại thời điểm 31/12/2024 là 7,07 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 5,95 tỷ VND), trong đó lãi phạt chậm nộp phát sinh trong năm 2024 là 1,13 tỷ VND (năm 2023 là 0,93 tỷ VND). Số tiền phạt chậm nộp này chưa được Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, điều này ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính như sau:

- Trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" (Mã số 319) đang được phản ánh thấp hơn và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang được phản ánh cao hơn với cùng số tiền là 7,07 tỷ VND (tại 01/01/2024 là 5,95 tỷ VND).
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 đang phản ánh cao hơn số tiền là 1,13 tỷ VND (năm 2023 là 0,93 tỷ VND).

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2025-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

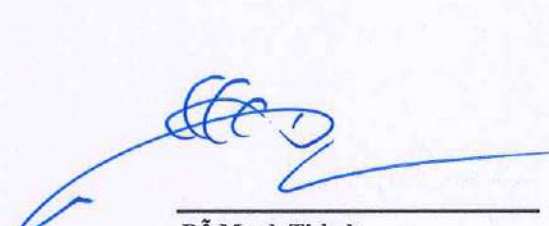
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>172.845.158.216</b>	<b>161.197.631.520</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>3.706.398.703</b>	<b>2.715.889.454</b>
111	1. Tiền		3.706.398.703	2.715.889.454
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>311.600.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		311.600.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>98.796.880.304</b>	<b>83.442.717.557</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	83.500.037.770	77.435.381.123
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	150.953.690	122.795.486
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	26.034.645.142	16.773.297.246
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>69.976.279.209</b>	<b>74.823.644.893</b>
141	1. Hàng tồn kho		69.976.279.209	74.823.644.893
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>54.000.000</b>	<b>215.379.616</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	54.000.000	87.333.333
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	128.046.283
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.544.535.188</b>	<b>9.248.502.823</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.193.797.229</b>	<b>3.035.964.864</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.193.797.229	3.035.964.864
222	- Nguyên giá		61.132.282.590	60.866.282.590
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.938.485.361)	(57.830.317.726)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>138.200.000</b>	<b>-</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		138.200.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.212.537.959</b>	<b>6.212.537.959</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.212.537.959	6.212.537.959
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>181.389.693.404</b>	<b>170.446.134.343</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>175.353.321.900</b>	<b>162.917.015.367</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>175.353.321.900</b>	<b>162.917.015.367</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	28.548.621.792	23.986.735.677
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	1.484.673.652	4.411.370.813
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.943.939.480	4.010.400.463
314	4. Phải trả người lao động		6.022.305.273	4.120.678.002
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.211.957.580	3.483.714.977
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	50.198.728.728	38.707.020.040
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	81.835.159.087	84.089.159.087
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		107.936.308	107.936.308
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.036.371.504</b>	<b>7.529.118.976</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>6.036.371.504</b>	<b>7.529.118.976</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		32.651.550.000	32.651.550.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		32.651.550.000	32.651.550.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.102.723.500	3.102.723.500
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.717.901.996)	(28.225.154.524)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(28.225.154.524)	(19.371.485.936)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.492.747.472)	(8.853.668.588)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>181.389.693.404</b>	<b>170.446.134.343</b>



**Đỗ Mạnh Thành**  
Người lập



**Nguyễn Mạnh Hưởng**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Thế Bình**  
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 03 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	67.939.382.540	37.828.198.332
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.939.382.540	37.828.198.332
11	4. Giá vốn hàng bán	21	64.249.948.653	40.176.901.484
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.689.433.887	(2.348.703.152)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	73.337.149	5.163.538
22	7. Chi phí tài chính	23	-	31.618.224
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	31.618.224
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.492.023.051	5.490.601.743
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(729.252.015)	(7.865.759.581)
31	11. Thu nhập khác	25	200.000.000	2.310.000.000
32	12. Chi phí khác	26	952.187.857	3.297.909.007
40	13. Lợi nhuận khác		(752.187.857)	(987.909.007)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.481.439.872)	(8.853.668.588)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	11.307.600	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(1.492.747.472)</u>	<u>(8.853.668.588)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(457)	(2.712)

**Đỗ Mạnh Thành**  
Người lập

**Nguyễn Mạnh Hương**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Thế Bình**  
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.481.439.872)	(8.853.668.588)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.108.167.635	1.671.894.252
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.115.890)	(5.163.538)
06	- Chi phí lãi vay		-	31.618.224
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(374.388.127)	(7.155.319.650)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.724.906.699)	16.304.124.831
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.847.365.684	(5.778.420.353)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.492.259.954	13.151.079.719
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		33.333.333	(37.833.333)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(12.176.207.636)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(314.470.786)	(1.089.524.754)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		<b>3.959.193.359</b>	<b>3.217.898.824</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(266.000.000)	(186.256.900)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(449.800.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.115.890	5.163.538
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		<b>(714.684.110)</b>	<b>(181.093.362)</b>
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		575.000.000	4.746.150.019
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.829.000.000)	(8.413.180.019)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(491.750.015)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>(2.254.000.000)</b>	<b>(4.158.780.015)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		990.509.249	(1.121.974.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.715.889.454	3.837.864.007
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.706.398.703</u>	<u>2.715.889.454</u>





**Đỗ Mạnh Thành**  
 Người lập

**Nguyễn Mạnh Hưởng**  
 Kế toán trưởng

**Hoàng Thế Bình**  
 Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 03 năm 2025

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2024*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 09-03-000.12 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 08 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 2700224390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 32.651.550.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 32.651.550.000 VND; tương đương 3.265.155 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 135 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 125 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội thất);
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí;
- Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất thiết bị điện (cơ, điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Sản xuất, bán hoá chất cơ bản (khí công nghiệp);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Đại lý (mua bán, gửi hàng hoá).

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Đến thời điểm 31/12/2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đã vượt 29,05 lần vốn chủ sở hữu, đồng thời các khoản nợ vay, nợ thuế phải nộp ngân sách Nhà nước, nợ bảo hiểm xã hội đã quá hạn với tổng số tiền 130,97 tỷ VND. Công ty có kết quả kinh doanh lỗ lũy kế liên tiếp từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế xã hội đã dần hồi phục, các dự án đầu tư công đang được chính phủ đẩy mạnh thực hiện và giải ngân, Công ty tin tưởng rằng thông qua thực hiện các hợp đồng xây lắp đã ký kết trong các năm tiếp theo sẽ tạo ra dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thanh toán các khoản nợ. Do đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập và trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ theo khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng:* Được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

*Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp* là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

*Giá vốn Hợp đồng xây dựng*

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành phù hợp với doanh thu và được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### **2.21 . Chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### **2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.25 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động của Công ty chủ yếu là xây lắp và đều thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**3 . TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.819.343.535	1.256.802.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.887.055.168	1.459.086.852
	<b>3.706.398.703</b>	<b>2.715.889.454</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	311.600.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	311.600.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	138.200.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	138.200.000	-	-	-
	<b>449.800.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2024, các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 11 tháng đến 24 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,71%/năm đến 4,96%/năm.

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>25.973.861.924</b>	<b>(1.331.132.087)</b>	<b>24.983.886.611</b>	<b>(1.331.132.087)</b>
Công ty Cổ phần Lilama 5	3.071.285.399	(1.331.132.087)	3.071.285.399	(1.331.132.087)
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	34.320.000	-	34.320.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	366.555.531	-	366.555.531	-
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	355.128.378	-	10.266.666	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	22.146.572.616	-	21.501.459.015	-
<b>Bên khác</b>	<b>57.526.175.846</b>	<b>(9.546.336.195)</b>	<b>52.451.494.512</b>	<b>(9.546.336.195)</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	14.917.166.546	-	14.917.166.546	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	10.808.720.654	-	10.808.720.654	-
Công ty TNHH Hương Hải Group	9.197.885.957	-	9.907.885.957	-
Phải thu khách hàng khác	22.602.402.689	(9.546.336.195)	16.817.721.355	(9.546.336.195)
	<b>83.500.037.770</b>	<b>(10.877.468.282)</b>	<b>77.435.381.123</b>	<b>(10.877.468.282)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Công Nghệ và Thiết bị hàn Công ty TNHH Tập đoàn Tư vấn Xây dựng Trường Thịnh Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cao su Băng tải Thăng Long Công ty TNHH Nhất Nước Tianjin Cement Industry Design & Research Institute Co., Ltd	62.782.350 28.158.204 27.060.000 26.685.120 6.268.016	- - - - -	62.782.350 - 27.060.000 26.685.120 6.268.016	- - - - -
	<b>150.953.690</b>	<b>-</b>	<b>122.795.486</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a.1) Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội Tạm ứng Ký cược, ký quỹ Chi phí lãi vay Phải thu khác	- 3.780.296.158 46.580.000 21.314.674.848 893.094.136	- - - - (11.288.016)	188.118.830 4.788.670.382 163.580.000 10.813.465.083 819.462.951	- - - - (11.288.016)
	<b>26.034.645.142</b>	<b>(11.288.016)</b>	<b>16.773.297.246</b>	<b>(11.288.016)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ Phần Lisemco	158.532.673	-	158.532.673	-
Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam	145.765.222	-	145.765.222	-
Vũ Mạnh Phú	2.283.621.141	-	3.294.322.736	-
Trịnh Xuân Hải	541.763.790	-	541.763.790	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	21.314.674.848	-	10.813.465.083	-
Phải thu đối tượng khác	1.590.287.468	(11.288.016)	1.819.447.742	(11.288.016)
	<b>26.034.645.142</b>	<b>(11.288.016)</b>	<b>16.773.297.246</b>	<b>(11.288.016)</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP Nguyễn Gia Khánh	248.764.034	-	359.673.826	-
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	722.668.455	-	722.668.455	-
	6.482.600	-	6.482.600	-
	<b>977.915.089</b>	<b>-</b>	<b>1.088.824.881</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty TNHH XNK Thủ công Mỹ nghệ Đông Thành	2.523.965.600	-	2.603.965.600	-
- Công ty Liên doanh Xây dựng Hà Nội - Bắc Kinh	3.350.989.756	-	3.350.989.756	-
- Công ty Cổ phần 77	1.668.805.327	-	1.668.805.327	-
- Công ty Cổ Phần Lisemco	2.101.366.729	1.074.420.482	2.101.366.729	1.074.420.482
- Các khoản khác	4.345.157.456	2.027.108.088	4.265.157.456	2.027.108.088
	<b>13.990.284.868</b>	<b>3.101.528.570</b>	<b>13.990.284.868</b>	<b>3.101.528.570</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	622.349.293	-	634.315.401	-
Công cụ, dụng cụ	172.259.363	-	198.481.984	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.181.670.553	-	73.990.847.508	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	13.517.778.775	-	19.301.375.585	-
- Dự án Xi măng Xuân Thành Line 3	14.327.268.127	-	14.322.043.127	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	10.964.732.012	-	10.927.081.428	-
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nghị Sơn 2	6.746.310.597	-	6.746.310.597	-
- Dự án Công trình Điện Vũng Áng	9.439.788.221	-	6.879.200.395	-
- Dự án Nhà máy điện Vân Phong 1	3.544.582.829	-	3.466.907.829	-
- Dự án Công trình sửa chữa Nhà máy Đạm Ninh Bình	1.079.931.066	-	3.286.098.633	-
- Dự án khác	9.561.278.926	-	9.061.829.914	-
	<b>69.976.279.209</b>	<b>-</b>	<b>74.823.644.893</b>	<b>-</b>

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	8.154.845.990	14.980.793.878	36.576.831.021	126.710.252	1.027.101.449	60.866.282.590						
- Mua trong năm	-	266.000.000	-	-	-	266.000.000						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.154.845.990</b>	<b>15.246.793.878</b>	<b>36.576.831.021</b>	<b>126.710.252</b>	<b>1.027.101.449</b>	<b>61.132.282.590</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	7.094.162.569	14.860.848.007	34.721.495.449	126.710.252	1.027.101.449	57.830.317.726						
- Khấu hao trong năm	212.059.512	92.908.843	803.199.280	-	-	1.108.167.635						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.306.222.081</b>	<b>14.953.756.850</b>	<b>35.524.694.729</b>	<b>126.710.252</b>	<b>1.027.101.449</b>	<b>58.938.485.361</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	1.060.683.421	119.945.871	1.855.335.572	-	-	3.035.964.864						
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>848.623.909</b>	<b>293.037.028</b>	<b>1.052.136.292</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.193.797.229</b>						

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 975.110.990 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.744.566.044 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	54.000.000	87.333.333
	<b>54.000.000</b>	<b>87.333.333</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	6.212.537.959	6.212.537.959
	<b>6.212.537.959</b>	<b>6.212.537.959</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Lilama 7	86.928.579	86.928.579	86.928.579	86.928.579
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vũ Trịnh Gia Bảo Công ty TNHH MTV Chống Ẩn mìn Trần Hào 126 Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Lắp máy Hà Nội Công ty TNHH Dịch vụ Công nghiệp Trảng An 268 Phải trả nhà cung cấp khác	28.461.693.213 3.423.846.960 3.261.119.201 769.562.667 5.547.191.911 15.459.972.474	28.461.693.213 3.423.846.960 3.261.119.201 769.562.667 5.547.191.911 15.459.972.474	23.899.807.098 3.523.846.960 3.311.119.201 1.019.562.667 839.898.708 15.205.379.562	23.899.807.098 3.523.846.960 3.311.119.201 1.019.562.667 839.898.708 15.205.379.562
	<b>28.548.621.792</b>	<b>28.548.621.792</b>	<b>23.986.735.677</b>	<b>23.986.735.677</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.484.673.482	2.932.514.443
<i>Bên khác</i>	170	1.478.856.370
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Khiêm	-	800.000.000
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	-	678.856.200
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	170	170
	<b>1.484.673.652</b>	<b>4.411.370.813</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẬP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.162.349.977	2.355.024.325	1.973.654.362	-	1.543.719.940	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	303.163.186	11.307.600	314.470.786	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	616.991	47.315.637	47.932.628	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	2.010.613.500	691.018.065	577.926.350	-	2.123.705.215	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	533.656.809	447.073.561	704.216.045	-	276.514.325	-	-	-	-	-	-
	-	<b>4.010.400.463</b>	<b>3.554.739.188</b>	<b>3.621.200.171</b>	-	<b>3.943.939.480</b>	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi cục thuế thành phố Hoa Lư	2.123.705.215	2.010.613.500
- Cục thuế tỉnh Ninh Bình	1.820.234.265	1.999.786.963
	<b>3.943.939.480</b>	<b>4.010.400.463</b>

**15 . VAY**

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình <sup>(1)</sup>	83.789.159.087	83.789.159.087	-	2.209.000.000	81.580.159.087	81.580.159.087
- Vay về huy động vốn kinh doanh <sup>(2)</sup>	300.000.000	300.000.000	575.000.000	620.000.000	255.000.000	255.000.000
	<b>84.089.159.087</b>	<b>84.089.159.087</b>	<b>575.000.000</b>	<b>2.829.000.000</b>	<b>81.835.159.087</b>	<b>81.835.159.087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư &amp; Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình theo hợp đồng tín dụng số 10268/2021/427892/HĐTD ngày 05 tháng 02 năm 2021:

- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh cho hoạt động xây lắp;
- + Thời hạn của hợp đồng: 05/02/2021 đến 21/01/2022;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 81.580.159.087 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các Hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá mà Bên vay ký kết với ngân hàng;
- + Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 21/01/2022. Các khoản vay quá hạn đã được ký các hợp đồng tín dụng cụ thể và phụ lục gia hạn bổ sung.

(2) Các Hợp đồng vay cá nhân với thời hạn 01 tháng, không tính lãi suất, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.

**Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Vay	81.580.159.087	33.456.542.794	83.789.159.087	22.955.333.029
	<b>81.580.159.087</b>	<b>33.456.542.794</b>	<b>83.789.159.087</b>	<b>22.955.333.029</b>

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Chi phí trích trước Công trình Xi măng Bút Sơn	1.588.264.116	1.588.264.113
- Trích trước chi phí công trình Dạm Ninh Bình	600.000.000	1.895.450.864
- Chi phí trích trước Công trình Xi măng Xuân Sơn	1.023.693.464	-
	<b>3.211.957.580</b>	<b>3.483.714.977</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.349.026.441	2.166.626.035
- Bảo hiểm xã hội	10.981.891.498	10.501.171.458
- Bảo hiểm y tế	875.104.038	884.939.113
- Bảo hiểm thất nghiệp	128.810.177	133.037.199
- Phải trả lãi vay	33.456.542.794	22.955.333.029
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.407.353.780	2.065.913.206
	<b>50.198.728.728</b>	<b>38.707.020.040</b>
<b>Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	33.456.542.794	22.955.333.029
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình	11.985.805.713	11.519.147.770
- Công đoàn Tổng Công ty Lilama - CTCP	2.349.026.441	2.166.626.035
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.407.353.780	2.065.913.206
	<b>50.198.728.728</b>	<b>38.707.020.040</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Phải trả cơ quan Bảo hiểm xã hội		11.985.805.713		11.519.147.770
- Phải trả lãi vay		33.456.542.794		22.955.333.029
		<b>45.442.348.507</b>		<b>34.474.480.799</b>
<b>18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	32.651.550.000	3.102.723.500	(19.371.485.936)	16.382.787.564
Lỗ trong năm trước	-	-	(8.853.668.588)	(8.853.668.588)
Số dư cuối năm trước	32.651.550.000	3.102.723.500	(28.225.154.524)	7.529.118.976
Số dư đầu năm nay	32.651.550.000	3.102.723.500	(28.225.154.524)	7.529.118.976
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.492.747.472)	(1.492.747.472)
Số dư cuối năm nay	32.651.550.000	3.102.723.500	(29.717.901.996)	6.036.371.504
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	51,00	16.652.990.000	51,00	16.652.990.000
Ông Ngô Quốc Thịnh	10,00	3.266.000.000	10,00	3.266.000.000
Ông Nguyễn Gia Khánh	7,22	2.357.100.000	7,22	2.357.100.000
Các cổ đông khác	31,78	10.375.460.000	31,78	10.375.460.000
	<b>100,00</b>	<b>32.651.550.000</b>	<b>100,00</b>	<b>32.651.550.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
		Năm 2024	Năm 2023	
		VND	VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		32.651.550.000	32.651.550.000	
- Vốn góp đầu năm		32.651.550.000	32.651.550.000	
- Vốn góp cuối năm		32.651.550.000	32.651.550.000	
<b>d) Cổ phiếu</b>				
		31/12/2024	01/01/2024	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		3.265.155	3.265.155	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		3.265.155	3.265.155	
- Cổ phiếu phổ thông		3.265.155	3.265.155	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		3.265.155	3.265.155	
- Cổ phiếu phổ thông		3.265.155	3.265.155	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)		10.000	10.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 237/HH-TĐ với Sở Địa chính tỉnh Ninh Bình, thuê lại lô đất thuộc sở hữu nhà nước tại đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/07/2003 đến ngày 01/07/2046. Diện tích khu đất thuê là 29.872 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21,53	64,14

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.326.573.360	968.010.248
Doanh thu cung cấp dịch vụ	519.305.700	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	66.093.503.480	36.860.188.084
	<u><u>67.939.382.540</u></u>	<u><u>37.828.198.332</u></u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u><u>27.566.948.949</u></u>	<u><u>29.215.186.872</u></u>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.096.547.423	890.559.406
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	63.153.401.230	39.286.342.078
	<u><u>64.249.948.653</u></u>	<u><u>40.176.901.484</u></u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u><u>851.054.220</u></u>	<u><u>1.178.814.661</u></u>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.115.890	5.163.538
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	72.221.259	-
	<u><u>73.337.149</u></u>	<u><u>5.163.538</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	31.618.224
	<b>-</b>	<b>31.618.224</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.211.020	48.643.901
Chi phí nhân công	4.000.875.336	4.495.806.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.373.203	69.810.156
Thuế, phí, lệ phí	17.719.958	26.148.552
Chi phí dự phòng	-	416.849.671
Chi phí khác bằng tiền	357.843.534	433.343.400
	<b>4.492.023.051</b>	<b>5.490.601.743</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	2.310.000.000
Doanh thu cho thuê kho bãi	200.000.000	-
	<b>200.000.000</b>	<b>2.310.000.000</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	752.187.857	3.297.909.007
Chi phí đất cho thuê kho bãi	200.000.000	-
	<b>952.187.857</b>	<b>3.297.909.007</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.481.439.872)	(8.853.668.588)
Các khoản điều chỉnh tăng	752.187.857	3.297.909.007
- Chi phí không hợp lệ	752.187.857	3.297.909.007
Thu nhập chịu thuế TNDN	(729.252.015)	(5.555.759.581)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	11.307.600	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	303.163.186	1.392.687.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(314.470.786)	(1.089.524.754)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>303.163.186</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền	1.887.055.168	-	-	1.887.055.168
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.645.926.614	-	-	98.645.926.614
Các khoản cho vay	311.600.000	138.200.000	-	449.800.000
	<b>100.844.581.782</b>	<b>138.200.000</b>	<b>-</b>	<b>100.982.781.782</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền	1.459.086.852	-	-	1.459.086.852
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.319.922.071	-	-	83.319.922.071
	<b>84.779.008.923</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.779.008.923</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Vay và nợ	81.835.159.087	-	-	81.835.159.087
Phải trả người bán, phải trả khác	78.747.350.520	-	-	78.747.350.520
Chi phí phải trả	3.211.957.580	-	-	3.211.957.580
	<b>163.794.467.187</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>163.794.467.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Văn Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	84.089.159.087	-	-	84.089.159.087
Phải trả người bán, phải trả khác	62.693.755.717	-	-	62.693.755.717
Chi phí phải trả	3.483.714.977	-	-	3.483.714.977
	<b>150.266.629.781</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>150.266.629.781</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . THÔNG TIN KHÁC**

1. Theo "Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024" số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, Đại hội đồng Cổ đông đã đưa ra Quyết nghị về việc: Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025. Đề án đã đưa ra nội dung "Thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính" trong đó có Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

2. Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27/1/2022, UBND tỉnh Ninh Bình đã phê duyệt quy hoạch chi tiết lô đất VI-09 và lô VI-13 thuộc Quy hoạch phân khu Khu đô thị hiện hữu khu I-1-B, I-1-C trong Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, vị trí hiện trạng là Trụ sở Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama tại số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, được quy hoạch là đất ở kết hợp thương mại dịch vụ, đất cây xanh. Theo biên bản làm việc ngày 08/07/2022 giữa phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình và Công ty về vị trí địa điểm và hình thức giao đất di chuyển trụ sở Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama đã thống nhất nội dung vị trí, diện tích đề nghị bố trí địa điểm di chuyển là lô H2 bám mặt đường Đinh Tiên Hoàng, phường Ninh Khánh thuộc quy hoạch chi tiết khu Đô Thị Ninh Khánh, với diện tích 2000m<sup>2</sup>. Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, thống nhất với đề xuất của phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Ninh Bình theo hình thức nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Công ty đề nghị cung cấp thông tin về giá khởi điểm để đấu giá, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại việc đấu giá vẫn chưa được diễn ra. Do chưa xác định được chính xác vị trí di chuyển trụ sở vì vậy Công ty chưa có kế hoạch và dự kiến chi phí đi dờ liên quan đến nội dung nêu trên.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.492.747.472)	(8.853.668.588)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.492.747.472)	(8.853.668.588)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.265.155	3.265.155
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(457)</b>	<b>(2.712)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.816.476.740	6.909.664.772
Chi phí nhân công	23.795.305.614	16.458.653.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.108.167.635	1.671.894.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.541.936.218	25.846.526.771
Chi phí khác bằng tiền	670.908.542	1.498.338.280
	<b>63.932.794.749</b>	<b>52.385.077.599</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.566.948.949</b>	<b>29.215.186.872</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	26.680.312.549	25.668.011.868
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	886.636.400	3.547.175.004
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>851.054.220</b>	<b>1.178.814.661</b>
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	187.520.000	82.189.231
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	663.534.220	1.096.625.430

**Thu nhập của người quản lý chủ chốt**

	<b>Mối quan hệ</b>	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Trương Tấn Tuyển	Thành viên HĐQT	21.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	274.092.809	255.927.855
Ông Nguyễn Mạnh Hường	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	215.997.046	209.195.929
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng giám đốc	195.484.414	188.716.509
Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Minh Phượng	Thành viên BKS	62.055.363	104.710.201

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

Số 72E đường Hoàng Diệu, phường Vân Giang,  
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Đỗ Mạnh Thành**  
Người lập

**Nguyễn Mạnh Hưởng**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thế Bình**  
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 03 năm 2025

